

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Tiến**

2. Bà **Vũ Thị Thuỳ Dương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 491/2023/TLST- HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15/4/2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Bích T**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà A, tổ G, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Thân Đức Q**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà I, tổ C, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị **Võ Thị Bích T** trình bày:

Chị và anh **Thân Đức Q** trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian hơn 01 năm thì tiến tới hôn nhân với nhau vào năm 2001 có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện L (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai** vào ngày 22/3/2001. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tuy vẫn chung sống cùng nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị **T** trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn sự tôn trọng lẫn nhau, anh **Q** thường hay nhậu nhẹt về nhà chửi bới vợ con, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Nay do cuộc sống hôn nhân của chị và anh **Q** không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu

được ly hôn với anh Q.

Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là Thân Hoàng S, sinh năm 2001, Thân Hoàng T1, sinh ngày 01/10/2009 và Thân Hoàng N, sinh ngày 27/8/2022. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1 và N, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Thân Hoàng S đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Từ khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Thân Đức Q, nhưng anh Q vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm về việc thụ lý đơn theo quy định tại Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiến nghị khắc phục vi phạm này.

- Về nội dung: áp dụng Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T và anh Q ly hôn; về con chung: giao cháu Thân Hoàng T1, sinh ngày 01/10/2009 và Thân Hoàng N, sinh ngày 27/8/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Q; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Võ Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Thân Đức Q, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Thân Đức Q có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: tổ G, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Võ Thị Bích T có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Thân Đức Q đã được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,

3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị **Võ Thị Bích T** và anh **Thân Đức Q** đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện L (nay là huyện C), tỉnh Đồng Nai** vào ngày 22/3/2001 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2001 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **T** nhận thấy:

Theo trình bày của chị **T** thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn sự tôn trọng nhau, anh **Q** thường hay nhậu nhẹt về nhà chửi bới vợ con, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Q**.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến hôm nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh **Q** trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh **Q** vẫn vắng mặt, điều này thể hiện anh **Q** không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị **T** vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh **Q**. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị **T** được ly hôn với anh **Q**.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng được nuôi cháu **T1** và cháu **N**, không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị **T** thì thấy hiện tại chị **T** có công việc và thu nhập ổn định và cháu **T1** cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị **T**, cháu **N** chưa đủ 03 tuổi nên cần sự chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu **T1** và **N** thì thấy nên giao cháu các cháu cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Luật hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận cho chị **T** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T1** và **N**.

Con chung Thân **Hoàng S**, sinh năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị **T** không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Q**.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do anh **Q** vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị **T** phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và kiến nghị khắc phục vi phạm là đúng nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 131; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Võ Thị Bích T.**

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị **Võ Thị Bích T** được ly hôn với anh **Thân Đức Q.**

- Về con chung:

+ Con chung Thân **Hoàng S**, sinh năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Giao con chung Thân **Hoàng T1**, sinh ngày 01/10/2009 và **Thân Hoàng N**, sinh ngày 27/8/2022 cho chị **Võ Thị Bích T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **Thân Đức Q.**

Khi cần thiết chị **T** và anh **Q** được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị **Võ Thị Bích T** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0000426 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị **T** đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Xuân Quê;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên